

**Địa danh  
thành phố Đà Nẵng**

VÕ VĂN HOÈ

**ĐỊA DANH**  
**THÀNH PHỐ ĐÀNẪNG**

**ĐÀNẪNG - 2011**

## MỤC LỤC

### **-LỜI NÓI ĐẦU** **-CHUNG QUANH VẤN ĐỀ NGHIÊN** **CỨU ĐỊA DANH Ở ĐÀ NẴNG** **DANH MỤC ĐỊA DANH**

A.....	20	O.....	746
B.....	62	Ô.....	746
C.....	121	Ở.....	758
CH.....	180	P.....	758
D.....	196	PH.....	759
Đ.....	213	Q.....	836
E.....	300	R.....	856
F.....	300	S.....	860
G.....	301	T.....	876
H.....	321	TH.....	921
K.....	467	TR.....	970
L.....	483	U.....	1043
M.....	559	V.....	1043
N.....	600	X.....	1067
NG.....	630	Y.....	1087
NH.....	739		

## **PHỤ LỤC**

### **PHỤ LỤC I**

Quận/huyện, phường/xã thành phố Đà Nẵng.....

### **PHỤ LỤC II**

Địa danh Đà Nẵng trong tục ngữ, ca dao.....

### **PHỤ LỤC III**

Đồng Khánh dư địa chí .....

### **PHỤ LỤC IV**

Danh mục chỉ dẫn.....

**TÀI LIỆU THAM KHẢO** .....

## LỜI NÓI ĐẦU

*Tôi sinh ra, lớn lên được sống và làm việc tại thành phố Đà Nẵng, một thành phố được thiên nhiên ưu ái ban cho đủ các dạng địa hình, và con người hiền hòa, tự tin, năng động. Từ lòng yêu quê hương xứ sở, nên thành phố Đà Nẵng trong tôi là cả một kho tàng văn hóa, nhân văn không thể không tìm hiểu và khám phá vẻ đẹp ấy của quê hương. Trong nhiều năm, tôi đã dành nhiều thời gian và các phương tiện hỗ trợ khác để đọc, để đi để hỏi han, tìm hiểu, ghi*

*chép với tinh thần yêu thích và sưu tập về những địa danh với vẻ đẹp trên quê hương Đà Nẵng. Thật thú vị và bất ngờ khi chợt nhận ra quê hương mình rất đẹp, vẻ đẹp của thành phố từ núi đồi, gò bãi, sông hồ, danh lam thắng cảnh từng làm say đắm bao du khách, đến tài nguyên, con người, phong tục tập quán mang dấu ấn của miền đất "chưa mưa đà thấm",...đến các công trình biểu tượng của người dân thành phố, tất cả cứ hiện lên rạng rỡ và tôi đã được hưởng những vẻ đẹp ấy trên quê hương thanh bình muôn thuở của mình.*

*Tìm hiểu về Đà Nẵng, tôi bị quyến rũ bởi đã nhận ra vẻ đẹp của quê hương, người dân mình, phong*

tục tập quán, lễ hội... nên đã ra công thu lượm qua sách báo, tài liệu, qua lời kể trong những lần điền dã về các địa phương trong một vùng văn hóa văn nghệ dân gian Đà Nẵng,... trong đó có phần ghi chép về địa danh thành phố, tôi tập hợp lại thành cuốn sách **Địa danh thành phố Đà Nẵng**.

Trong cuốn sách **Địa danh thành phố Đà Nẵng** này, tôi sắp xếp các mục từ địa danh theo mẫu tự a, b, c,... có mục từ được lặp lại nhiều lần như Cẩm Lệ có Cẩm Lệ làng, Cẩm Lệ xã, Cẩm Lệ sông, Cẩm Lệ chợ, Cẩm Lệ cầu, Cẩm Lệ quận; hoặc Hòa Thuận có Hòa Thuận làng, Hòa Thuận xã, Hòa Thuận phường, Hòa Thuận Chợ, hay mục Liên Chiểu có Liên Chiểu làng, Liên Chiểu xã, Liên

*Chiều thôn, Liên Chiều ga, Liên Chiều quận,...vời mong muốn người dân mình hiểu thêm về thành phố Đà Nẵng thân yêu; mặt khác, với tinh thần sưu tập và yêu thích địa danh thành phố Đà Nẵng, tôi chép thêm những đặc điểm văn hoá, lịch sử, phong tục tập quán liên quan đến địa danh nhằm giới thiệu thành phố tươi đẹp hai bên bờ sông Hàn đến với bạn bè trong và ngoài nước.*

*Để có được cuốn sách về địa danh thành phố Đà Nẵng này gửi đến người Đà Nẵng và bạn đọc gần xa, tôi xin cảm ơn các nhà nghiên cứu văn hoá, lịch sử, các nhà báo, nhà giáo, nhà văn, các nhà xuất bản,...cho phép được sử dụng những thông tin trong các ấn phẩm đã phát*



*hành cùng những ý kiến đóng góp quý báu, giúp tôi hoàn thành được cuốn sách này.*

*Với tri thức và sức sưu tầm có hạn, là lần đầu biên soạn về địa danh Đà Nẵng theo tinh thần hiểu biết về địa danh Đà Nẵng đến đâu tôi trình bày đến đó, chắc chắn có thiếu sót, rất mong bạn đọc lượng thứ, chỉ bảo những thiếu sót có trong sách theo địa chỉ số 98 Lê Lợi, Đà Nẵng hoặc [camle01@gmail.com](mailto:camle01@gmail.com)*

*Trân trọng.*

**VÕ VĂN HOÈ**

*Đà Nẵng, 23-10-2007*

*6-2011*

## **CHUNG QUANH VIỆC NGHIÊN CỨU ĐỊA DANH Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Địa danh là một môn khoa học chuyên ngành ra đời và phát triển vào thế kỷ thứ XIX ở các nước Tây Âu. Ở Việt Nam, ngành địa danh học đến giữa thế kỷ XX mới bắt đầu phát triển. Tại thành phố Đà Nẵng chuyên ngành này đang trong quá trình tiếp cận. Là một ngành của ngôn ngữ học, đối tượng của địa danh là chuyên nghiên cứu ý nghĩa, nguồn gốc, nguyên nhân xuất hiện và biến đổi địa danh trong một địa bàn cư trú;

đồng thời địa danh học còn nghiên cứu cấu tạo địa danh và các phương thức vận dụng để đặt địa danh cho các đối tượng cần phải được định danh phục vụ đời sống con người. Do vậy, việc tìm hiểu về địa danh là cần thiết.

### **1. Quan niệm về địa danh**

Địa danh đã trở thành một môn học, theo đó, thuật ngữ địa danh được trình bày theo nhiều cách hiểu khác nhau. Đào Duy Anh trong “Hán Việt từ điển” cho rằng “Địa danh là tên gọi các miền đất”. Hoàng Phê trong “Từ điển tiếng Việt” gọi địa danh là “Tên đất, tên địa phương”. “Từ điển Bách khoa” (mạng internet) ghi “Địa danh là

tên gọi các lãnh thổ, các điểm quần cư (làng, xã, huyện, tỉnh, thành phố), các điểm kinh tế (vùng nông nghiệp, khu công nghiệp), các quốc gia, các châu lục, các núi, đèo, cao nguyên, thung lũng, đồng bằng, châu thổ, sông, hồ, vũng, vịnh, biển, eo biển, đại dương có tọa độ địa lý nhất định ghi lại được trên bản đồ. Địa danh có thể phản ánh quá trình hình thành, đặc điểm của các yếu tố địa lý tự nhiên và lịch sử với những nét đặc sắc về kinh tế, xã hội của các lãnh thổ”. Nguyễn Văn Âu cho rằng “Địa danh là tên đất gồm tên sông núi, làng mạc hay là tên địa phương, làng mạc”. Nguyễn Kiên Trường thì lại cho rằng “Địa danh là tên riêng của các đối tượng

địa lý tự nhiên và nhân văn xác định trên bề mặt trái đất”. Từ Thu Mai gọi “Địa danh là những từ, ngữ chỉ tên riêng của các đối tượng địa lý có vị trí xác định trên bề mặt trái đất”. Phan Xuân Đạm nhận định “Địa danh là lớp từ đặc biệt được sinh ra để đánh dấu vị trí, xác lập các tên gọi đối tượng địa lý và nhân văn”. Nguyễn Thu Hằng lại nói “Có thể coi địa danh là những từ, ngữ được sử dụng để gọi tên các đối tượng, không gian địa lý, các đặc trưng địa hình, địa vật nào đó”. Hoàng Thị Đường thì lại hiểu “Địa danh là những từ, cụm từ dùng để gọi tên các đối tượng, không gian địa lý, các đặc trưng địa hình, địa vật; có tác dụng khu biệt, định vị

những đối tượng, không gian địa lý, các đặc trưng địa hình, địa vật này với các đối tượng, không gian địa lý, các đặc trưng địa hình, địa vật khác”. Lê Trung Hoa thì định nghĩa “Địa danh là những từ hoặc ngữ cố định, được dùng làm tên riêng của địa hình thiên nhiên, các công trình xây dựng trên về không gian hai chiều, các đơn vị hành chính, các vùng lãnh thổ”. Hiện nay, nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu địa danh từ cấp phường/xã đến cả nước và cũng đưa ra những quan niệm khác nhau về địa danh. Theo chúng tôi, *địa danh là tên gọi chỉ các đối tượng tự nhiên và các đối tượng nhân tạo chỉ định cho một*

*địa điểm nhất định phục vụ đời sống con người.*

## **2. Vấn đề nghiên cứu địa danh tại thành phố Đà Nẵng**

Từ khi chia tách thành thành phố trực thuộc Trung ương chưa có một công trình nghiên cứu hoàn chỉnh về địa danh ở thành phố Đà Nẵng mà chỉ là những khóa luận tốt nghiệp của sinh viên về địa danh cấp phường hoặc là những bài viết truy nguyên một địa danh nào đó được đăng trên báo, tạp chí địa phương. Các nhà nghiên cứu văn hóa – lịch sử tại thành phố Đà Nẵng chưa có công trình nghiên cứu hệ thống hẳn hoi về địa danh thành phố Đà Nẵng. Ít tìm thấy

những bài viết về địa danh một vùng, một khu vực cư trú hoặc khảo sát địa danh theo từng chủ đề: trong văn học, trong ca dao, tục ngữ, trong biến đổi và các đặc điểm khác của địa danh ở Đà Nẵng.

Địa danh học có liên quan đến các lĩnh vực chuyên ngành: sử học, khảo cổ học, dân tộc học, địa lý học, văn học, ngôn ngữ,... do đó, để nghiên cứu và trình bày đầy đủ, chính xác về địa danh trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là rất phức tạp, công việc như thế phải có thời gian và lực lượng cùng với tâm huyết của các nhà khoa học mới có thể hoàn thành được một công trình hoàn chỉnh về địa danh



ở thành phố Đà Nẵng, phục vụ cho nhiều đối tượng quan tâm đến lĩnh vực lý thú này. Do vậy, nghiên cứu địa danh ở Đà Nẵng sẽ biết thêm lịch sử vùng đất này, biết được tâm tư nguyện vọng của con người Đà Nẵng, biết sự biến đổi của tộc người C'tu ở phía tây thành phố trong quá trình đô thị hoá, biết tâm lý một vùng văn hoá, kinh tế của cư dân; đồng thời hiểu được ước vọng của người dân địa phương sinh sống trên vùng cư trú đó muốn làm chủ và vươn lên trong cuộc sống là thế nào!

Khi đối tượng nào đó xuất hiện, chẳng hạn một công trình xây dựng, một con đường mới mở, một khu dân cư vừa mới hình

thành,...xã hội cần phải đặt tên, định danh sự vật để quản lý, để phân biệt với các đối tượng khác, hoặc để thể hiện tâm tư nguyện vọng của cộng đồng cư trú, theo mục đích đó, địa danh xuất hiện và song song tồn tại với con người. Ví dụ, trước kia dọc bờ tây sông Hàn của Đà Nẵng có “Ga chợ” (Gare de Tourane marche), bến “Bà Quảng Triều Hưng”, có hiệu sách “Việt Quảng”,... nhưng nay do đối tượng không còn nên địa danh theo đó dần dần biến mất; mặt khác một số địa danh xuất hiện do nhu cầu định danh đối tượng làm xuất hiện tên gọi: các địa danh cũ mất đi đồng thời xuất hiện các địa danh mới như

cầu Sông Hàn, cầu Thuận Phước, khu tái định cư Nam cầu Tuyên Sơn, An Cư 1, An Cư 2,... đường phố Cẩm Bắc 1, Cẩm Bắc 2,... Đông Phước 1, Đông Phước 2,... Hòa Minh 1, Hòa Minh 2,... ra đời trong những năm 2000-2010 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là những thực tế.

Sự biến đổi hoặc mất đi của địa danh còn do địa danh không phù hợp với chế độ chính trị nên lần lượt được thay bằng tên gọi khác. Năm 1955, hàng loạt địa danh đường phố Đà Nẵng mang tên nước ngoài được thay bằng tên tiếng Việt. Ví dụ, đường Castelnau được đổi thành đường Thái Phiên, đường Clémenceau

đầu thế kỷ thứ XIX là Montigny (sau 1919 đổi là Clémenceau), năm 1955 đổi thành đường Quang Trung, đường République đổi thành đường Hùng Vương,...<sup>1</sup> Sau năm 1975, nhiều tên đường phố được thay bằng tên khác như đường Nguyễn Hoàng thay bằng đường Lê Duẩn, đường Tự Do thay bằng đường Độc Lập, sau 1975 đổi thành Trần Phú,.. Về đơn vị hành chính cũng được thay đổi tên gọi và quy định lại ranh giới cho phù hợp như làng Đông Phước, Nghi An thuộc xã Hòa

---

<sup>1</sup> Theo Nghị định số 88-NĐ/PC ngày 20 tháng 01 năm 1955 của Ủy ban đại biểu Chính phủ tại Trung Việt, Việt Nam Cộng hòa về việc *thay thế các tên cũ của các con đường trong thành phố Đà Nẵng bằng những tên mới.*

Phát năm 1945 gọi là thôn 2 Đông Phước thuộc xã Hòa Nhơn, đến năm 1956 thuộc xã Hòa Phát, năm 1975 đổi tên Hòa Phát thành xã Hòa Tân, năm 1977 lấy lại tên Hòa Phát,...Nay ở thành phố Đà Nẵng, đơn vị hành chính nhỏ nhất từ tổ/ thôn, phường/ xã đến quận/huyện, thành phố, địa danh khu dân cư, khối phố gọi theo dân gian mà không quy định thành đơn vị hành chính. Tuy vậy, về mặt địa danh những tên gọi như vậy vẫn còn tồn tại trong ký ức người dân, đã trở thành truyền thống của làng, xã thời trước chưa thể quên được.

Yếu tố xã hội cũng tác động đáng kể đến thay đổi địa danh, do

người dân sinh sống trên địa bàn muốn dùng mỹ tự mang yếu tố Hán –Việt đặt tên cho làng mình, thôn mình như làng Phong Lệ trước thời Thiệu Trị có tên là Đà Ly xã, vào thời Ông Ích Khiêm lại đổi thành Phong Lệ xã,...hoặc một vùng đất rộng lớn như huyện Hòa Vang cũng có sự thay đổi địa danh từ Hòa Vinh đến Hòa Lạc, sau đổi lại là Hòa Vang,...

Như vậy có thể nói rằng có các nguyên nhân dẫn đến việc đặt địa danh cho một vùng cư trú tại thành phố Đà Nẵng, thường là:

1/ Đặt tên sự vật, các công trình nhân tạo do tại nơi cư trú có các dạng địa hình, các yếu tố tự nhiên ảnh hưởng đến đặt tên một số địa

danh theo địa lý tự nhiên của vùng. Ví dụ Cây Trao, Giông Đông, Cây Me, gò Vàng, hồ Tre,...

2/ Đặt tên cho vùng, cho công trình nhân tạo còn do lấy lại tên từ quê hương bản quán đến định danh tại vùng cư trú mới. Ví dụ: Hải Châu, Hòa Phát, Hòa Xuân, Hòa Khánh, Hòa Hải, ...

3/ Đặt tên một vùng cư trú còn do tâm trạng, hoài bão muốn cho quê hương xứ sở thêm đẹp, có ý nghĩa lâu dài trong cuộc sống người dân. Ví dụ: Phong Lệ, Đông Phước, An Cư, Hòa Bình, Hòa Tiến, Hòa Minh,...

4/ Hiện nay tại thành phố Đà Nẵng do đối tượng nhân tạo xuất hiện nhiều và nhanh chóng nên để gọi tên sự vật người ta cũng dùng chữ số để định danh như tổ 1, tổ 2, tổ 3,... đôi khi địa danh có thành tố chính, kèm theo thành tố phụ như An Trung 1A, An Trung Nông 2, An Cư 1A,... Xu hướng dùng chữ số đặt tên cho đối tượng tuy gọn, khoa học, dễ gọi, dễ nhớ nhưng lại không đáp ứng tâm tư nguyện vọng chung của người dân trên địa bàn cư trú; đồng thời cũng không phù hợp với truyền thống định danh sự vật như người Đà Nẵng trước đây đã đặt tên đất, tên làng mình như hiện nay vẫn còn gắn với đời sống người dân, mặc



dầu đơn vị hành chính từ *tổ/thôn* đến *phường/xã* đến *huyện/quận*, *tỉnh/thành phố*, nhưng đôi khi người dân trong quan hệ láng giềng vẫn trao đổi nhau bằng tên cũ của làng mình, xóm mình, do đó trong dân gian vẫn còn tồn tại các loại địa danh: xóm, khu dân cư, khối phố,...

Chính đó, nghiên cứu, tìm hiểu địa danh ở thành phố Đà Nẵng là một điều lý thú !

Là danh từ chung, địa danh định danh sự vật của các đối tượng tự nhiên, công trình nhân tạo; đồng thời địa danh còn có chức năng cá thể hoá đối tượng mà danh/ngữ danh từ chung không làm được. Cá thể hoá đối

tượng đã làm cho địa danh trở thành một bộ phận gắn liền với cuộc sống xã hội con người Đà Nẵng, đặc biệt Đà Nẵng đã trải qua nhiều thời kỳ lịch sử, địa danh đã xuất hiện, biến đổi và chuyển loại phức tạp. Thông qua địa danh, người ta dễ tìm thấy sự phản ảnh tâm lý, ước vọng của con người sinh sống, tồn tại và phát triển trên vùng cư trú, của thành phố Đà Nẵng ra sao, ở đó chắc chắn ta có thể tìm thấy ý nghĩa cao đẹp mà các thế hệ trước đã mong ước, gửi gắm vào đất đai sông núi quê nhà. Địa danh ở thành phố Đà Nẵng thông báo cho ta có thể biết được Đà Nẵng, Bà Thân, Trèm Trèm, Sơn Trà, Liên Chiểu, Hòa

Vang, Hòa Tiến, Đông Phước, Bình Thái, Bàu Sen, gành Nghê, vũng Thùng, cửa Hàn, hóc Giá, mạch Cửu Nhung,... là thế nào và những khát vọng, ước muốn của người Đà Nẵng tồn tại trên vùng đất mang địa danh ấy ra sao! Thông qua các địa danh: Phước Thọ, Cẩm Lệ, Hòa Phát, Hòa An, Hải Châu, An Hải, Hòa Bình, Mỹ Khê, An Cư, An Lạc,... cho biết ước muốn một cuộc sống thanh bình, ý nghĩa để tồn tại và phát triển của người Đà Nẵng. Hoặc thông qua địa danh 29 Tháng 3, 3 Tháng 2, 30 Tháng 4, Ông Ích Khiêm, Thái Thị Bôi, Lê Độ, Lê Văn Hiến, Thái Phiên,... cho người dân Đà Nẵng biết rằng đây

là niềm tự hào của họ về những chiến công dựng nước và giữ nước, trong đó người Đà Nẵng đã góp công lớn lao trong đấu tranh để bảo vệ và đồng thời xây dựng thành phố văn minh, giàu đẹp.

Bước đầu qua sưu tầm, ghi chép địa danh thành phố Đà Nẵng, tuy chưa đầy đủ, song chúng tôi thống kê có 144 nhóm với 4.438 địa danh các loại. Điều đó cho biết địa danh ở thành phố Đà Nẵng rất phong phú, trong đó sử dụng từ Hán – Việt chiếm phần lớn, đây là lớp từ chỉ địa danh xóm, làng, thôn, xã, huyện, quận... Nhóm từ thuần Việt chiếm tỉ lệ khá nhiều, lớp từ này chỉ đối tượng tự nhiên, như: ao, hồ, sông, suối, gò, đồi, xứ

đất,...Còn lại một số nhỏ mượn từ nước ngoài để định danh sự vật: chỉ đường phố, thành phố, các đảo, nhóm đảo của quần đảo Hoàng Sa. Ngôn ngữ dân tộc thiểu số C'tu, Chăm ảnh hưởng vào địa danh ở thành phố Đà Nẵng có nhưng ít.

**Bảng 1: Địa danh thành phố Đà Nẵng**

Địa danh chỉ các đối tượng tự nhiên		Địa danh chỉ các đơn vị hành chính		Địa danh chỉ các công trình xây dựng		Địa danh các công trình lịch sử, văn hóa		Tổng
Nhóm	Tổng	Nhóm	Tổng	Nhóm	Tổng	Nhóm	Tổng	
m	ng	m	g	m	g	m	ng	
57	1.173	27	1.037	30	1.771	30	457	4.438

**Bảng 2: Địa danh các đối tượng tự nhiên**

Ái	1	Ao	6	Bãi	7 7	Bàu	5 3	Bến/âu thuyền	3 8
Biển / Vùng biển	1	Cá m	1 2	Cánh đồng	3 8	Còn	2 3	Cửa sông/ biển	8
Dốc	1 1	Đá	1 3	Đầm	7	Đảo/b đảo	2 9	Đèo	5
Đìa	5	Đồ i	2 2	Động/ch	9	Eo	1	Ghèn h	7
Gò	7 1	Gi òn g	2	Hang	7	Hà m	4	Hóc	4 5
Hói	3	Hò n	1 0	Hồ	2 6	Hố	7 2	Hung	4
Khe	6 6	Lạ ch	5	Mạch	1	Mỏ/ mỏ đá	2	Mũi	3

Mur ong/ mán g	8	Nà	1 0	Ngã 3/4/5	2 1	Ngu ồn	2	Nông	1 1
Núi/ rùng	9 4	Sô ng	3 0	Rẫy	1 9			Rộc	2 2
Ruộ ng	2 8	Sũ ng	3	Suối	1 8	Thá c	2	T.lũn g	2
Trăn g	2	Tr uô ng	2	Trũng	2	Vịn h	4	Vũng	8
Vườ n	9	Xứ	151	Dương	3				

**Bảng 3: Địa danh các đơn vị hành chính**

Bản	3	Ch âu	1	Chi	1			Đạo	1
Đặc khu	1	Giá p	4	Huy ện	6	Kh ôi (ph ố)	14	Khu	32 9
Làng /xã	35 0	Là u	4	Miê n	3	Nh a	1	Nhà	10

Phường	49	Quận	13	Thành phố	16	Thị xã	1	Thôn /ấp	95
Tỉnh	1	Tổng	13	Trại	1	Trạm	17	Tổ	1
Vạn	3	Vực	3	Xóm	96				

**Bảng 4: Địa danh các công trình xây dựng**

Ba-ra	1	Bảo tàng	5	Bệnh viện	30	Cảng	10	Cầu	62
Cầu trần	1	Chợ	134	Cổng	30	Cửa hiệu	1	Đài	3
Đập	23	Đường phố/sắt	1.043	Ga	12	Giếng	19	Kè	2
Kênh	1	Kho	6	Lò	4	Ngã m	2	Quán	8



		Sân	6	Siêu thị	5			Trung tâm	14
Trường đua	1	Trường học	214						

**Bảng 5: Địa danh các công trình văn hóa, lịch sử**

Bia	3	Chùa	98	Công viên	1	Di tích	4	Dinh/lũy/hành dinh	8
Đài	3	Đền	3	Đình	62	Đồn	44	Giáo xứ	8
Hành cung	1	Hội thánh	3	Lăng	20	Miếu	115	Mộ/mả	4
Nghĩa trang/địa/mả	10	Nghĩa塚	7	Nhà thờ/dòng Phao-lô	29	Pháo đài	3	Phế tích	6

Phòng tuyển	1	Rạp	2	Sân	3	Tán	2	Thàn h	4
Thư viện	1	Tòa	1	Tu viện/ thánh thất	2	Vã n thá nh	2	Vườn hoa/v ườn	7

### **3. Đặc điểm địa danh ở thành phố Đà Nẵng**

**3.1.** Do nhóm địa danh sử dụng từ Hán – Việt nhiều hơn cho nên chúng ta ngày nay biết rằng cư dân Đà Nẵng trước đây đã thể hiện tâm tư, nguyện vọng của mình về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc và kỳ vọng về sự phát triển, thăng hoa; đồng thời cũng dễ nhận biết người Đà Nẵng chú trọng phương thức tư duy chủ toàn trong định danh sự vật, làng xóm, quê hương mình. Ví dụ: Hòa Vang, Hòa

Phát, An Cư, Hòa Thuận, Trung Nghĩa,...

**3.2.** Nhóm địa danh thuần Việt tuy chiếm tỷ lệ không nhiều nhưng cho biết đây là vùng cư dân đến khai phá trong gian khó, trong lúc chưa ổn định được chính quyền, họ hòa mình vào đất đai, điền thổ, sơn lâm, giang hà nên đây chính là vùng đất khai phá còn hoang vu, là vùng đất mới, trước khi lập được làng quy cũ.

**3.3.** Địa danh ở thành phố Đà Nẵng còn do con người nơi đây mang theo trên bước đường lập nghiệp đến vùng đất mới và đặt tên cho xóm mình, làng mình, thôn mình để hy vọng làm vơi đi nỗi nhớ cố

huong. Ví dụ: Hòa Phát, Hòa Thọ, Hòa Hải, Hòa Xuân,...

**3.4.** Điều dễ nhận biết là địa danh mang yếu tố Hán – Việt có sự biến đổi và tiêu vong nhiều hơn là địa danh mang yếu tố thuần Việt. Có thể tìm thấy trong thực tế hiện nay, đơn vị quận như quận Hiếu Đức, Đông Giang; đơn vị xã như xã Hòa Lương, Hòa Long, xã Lâm An, Xuân Nhâm, Tân An, Quảng Lăng, Bách Giản,... các địa danh trên đã thực sự tiêu vong trên bản đồ thành phố Đà Nẵng.

**3.5.** Gần đây, người Đà Nẵng cũng sử dụng yếu tố chính kèm yếu tố phụ với số từ để đặt tên cho sự vật và các hiện tượng mới xuất hiện do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố với hiện đại

hóa khu vực nông thôn mang lại. Ví dụ: Hòa Minh 1, An Cư 2, An Cư 2 A, Túy Loan Đông 2,...và phần lớn các tổ dân phố đều dùng số từ để định danh. Một số ít dùng từ chỉ phương hướng để định danh, như: An Ngãi Tây, Cẩm Toại Đông, Thanh Khê Tây, Thanh Khê Đông,...và trên-dưới, như: Hòa Thượng, Phước Hậu, Bà Năng Hạ, Bà Năng Thượng,...điều này chứng tỏ rằng người Đà Nẵng muốn giữ lại những địa danh mang ý nghĩa tốt đẹp, có tác dụng giữ vững lòng tự tin trong cuộc sống tại quê hương, thành phố mình.

*Võ Văn Hòe*

## **BẢNG CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐO**

### **+ Dài, ngắn**

1 tấc mộc = 0,0425 m

1 thước mộc = 0,425 m

1 dặm = 1.609,344 m

1 tầm = 1,825 m

1 hải lý = 1.852 m = 1 km 852

### **+ Cao, thấp**

1 trượng = 4,25 mét (chiều cao)

### **+ Rộng, hẹp**

1 sào = 1/10 mẫu

1 sào Bắc bộ = 360 m<sup>2</sup>

1 sào Trung bộ = 497 m<sup>2</sup>

1 công Nam bộ = 1.000 m<sup>2</sup>

1 sào tây (are) = 100 m<sup>2</sup>

1 mẫu tây = 100 sào tây

1 hecta = 10.000 m<sup>2</sup>

## TỪ, NGỮ VIẾT TẮT

BAVH, (1919)	Bulletin des Amis de Vieux Hue xuất bản năm 1919
BCHTUĐCSVN	Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam
BCT	Bộ Chính trị
CHXHCNVN	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
CD	Cao đẳng
CL	Cẩm Lệ
CMT8-1945	Cách mạng Tháng Tám 1945
CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
CP	Chính phủ
DP	Diên Phước
ĐB	Điện Bàn
ĐCSVN	Đảng Cộng sản Việt Nam
ĐH	Đại học
ĐKDĐC	Đông Khánh dư địa chí
ĐLĐVN	Đảng Lao động Việt Nam
ĐNNTC	Đại Nam nhất thống chí

ĐNTL	Đại Nam thực lục
GD & ĐT	Giáo dục & Đào tạo
GS	Giáo sư
HĐND	Hội đồng nhân dân
HC	Hải Châu
HĐ	Hiếu Đức
HV	Hòa Vang
HVPC	Hòa Vang phổ chí
HS	Hàng Sa
LC	Liên Chiểu
LSDB	Lịch sử đảng bộ
LSĐTCM	Lịch sử đấu tranh cách mạng
MG	Mẫu giáo
MN	Mầm non
NĐ	Nghị định
NHS	Ngũ Hành Sơn
NQ	Nghị quyết
ÔCCL	Ô châu cận lục
PBTL	Phủ biên tạp lục
PTCS	Phổ thông cơ sở
Q	Quận



QĐ	Quyết định
QuĐ	Quảng Đà
QN	Quảng Nam
QN-ĐN	Quảng Nam – Đà Nẵng
SG	Sài Gòn
ST	Sơn Trà
TH	Tiểu học
TK	Thanh Khê
TP	Thành phố
THPT	Trung học phổ thông
THCS	Trung học cơ sở
TTGDTX	Trung tâm giáo dục thường xuyên
TTKTTH-HN	Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân
UBNDHCM	Ủy ban nhân dân cách mạng
VNCH	Việt Nam Cộng Hòa

# A

## + A 32

**Khu dân cư.** Nằm cạnh đường Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Q. TK.

A 32. Địa danh ghi bằng mẫu tự chữ cái, kèm yếu tố phụ số từ. Khu dân cư lấy tên đơn vị cụm cảng Hàng không miền Trung để đặt tên.

## + A-ma-toa

**Lò mổ.** Là địa danh khác của Ba-toa, gốc tiếng Pháp có nghĩa là lò mổ, trước thuộc làng Nại Hiên Tây (cạnh Cỏ Viện Chàm), nơi giết mổ gia súc, cung cấp thịt cho ĐN. Tại đây thời thuộc Pháp có con đường mang tên Rue de l'abattoir, dân gian gọi là đường Lò Mổ.

Nay thuộc đường 2 Tháng 9, Q. HC.

## + Addington

**Bãi.** Thuộc quần đảo Hoàng Sa, huyện Hoàng Sa, tiếng Anh gọi là Addington Patch, nằm ở toạ độ 15<sup>0</sup>36' vĩ độ Bắc và 114<sup>0</sup>25' kinh độ Đông.

### + **Ái Nghĩa**

**Chợ.** Thuộc xã Ái Nghĩa, huyện HV. Đây là chợ lớn của huyện HV trước năm 1899.

Chợ buôn bán hàng nông, lâm sản phục vụ các xã vùng tây nam của huyện.

Năm Thành Thái thứ XI ( 1899), cắt một phần đất phía tây huyện HV thành lập huyện Đại Lộc, theo đó, chợ Ái Nghĩa thuộc huyện Đại Lộc.

Nay, chợ thuộc thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh QN.

### + **Áng**

**Cồn.** Thuộc khối phố Đa Phước, phường Thuận Phước, Q. HC.

Cồn hình thành từ trận lụt năm 1964, sau bồi đắp dần mà thành cồn. Một số ngư dân tại Hóa Sơn (phường Hòa Cường Bắc), thuộc Khu Sông Đà di cư đến định cư, hành nghề đánh bắt cá, sau thêm đồng bào Thừa Thiên, Quảng Trị vào định cư, lập nghiệp.

Hiện cồn không còn.

### + **Ái Vân**

**Núi Ải/Cửa Ải.** Thuộc phường Hòa Hiệp Bắc, Q. LC.

Trong *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn ghi là Tuần Ái. Ái Vân là cửa ngõ vào đất ĐN, nơi ranh giới tự nhiên giữa Thừa Thiên – Huế với ĐN.

#### + **Ao**

**Vực.** Thuộc vùng núi xã Hòa Phú, huyện HV.

Vực Ao nhận nguồn nước từ Thác Mui là nơi phát nguyên chảy xuống Vực Ao, Vực Cù (nay gọi Suối Mơ, trong hệ thống Bà Nà – Núi Chúa, thuộc xã Hòa Ninh) rồi xuôi về thôn Hội Phước chảy qua thôn An Lợi, vào sông Túy Loan nhập với sông Yên tại Hòa Tiến, Hòa Khương huyện HV, đổ xuống sông Cầu Đỏ, Cẩm Lệ.

#### + **Ao Nước Nóng**

**Ao.** Thuộc thôn Phước Nhơn, xã Hòa Nhơn, huyện HV.

Trong cánh đồng ruộng hình thành một chỗ trũng, theo HVPC của Trần Nhật Tĩnh, đông tây dài chừng 2 trượng (8,5 mét), nam bắc chừng 3 trượng hơn (hơn 12,75 mét), sâu chừng 5-6 tấc. Nước trong, vị nhạt, bốn mùa không khô.

Nay, địa danh không còn được sử dụng.

#### + **Am Bà**

**Đồn.** Toạ lạc trên bán đảo ST là nơi Pháp đóng quân.

Trong kháng chiến chống Pháp năm 1858 (Mậu Ngọ), quân triều Nguyễn tập kích vào căn cứ đồn Am Bà do Pháp chiếm đóng, diệt 1 quan ba. Một sỹ quan Pháp chép về thiệt

hại của họ tại đồn Am Bà: “*Mỗi đêm tối, họ đến cách rào 500m bắn những phát súng trường và súng thần công,... những ông người An Nam đó lấy đầu chúng ta để treo giải thưởng và than ôi! một người bạn của tôi mới trở thành nạn nhân của họ. Tôi mới vừa đem được xác không đầu của anh ta về cách đây 8 ngày*”. (Theo: Bulletin de la Societe des Etudes Indochinoises, số 3 và 4, 1959, tr.104).

#### + An

**Xóm.** Thuộc khối phố An Vĩnh, phường An Hải Tây, Q. ST.

Dân trong xóm chuyên sinh sống bằng nghề chài lưới, công cụ đánh bắt của họ là rọ giàn, rọ đáy, giã cào. Có hộ sắm được ghe nan, hoặc ghe gỗ chèo tay hoặc chạy bằng buồm, đánh bắt cá trên sông Hàn hoặc vịnh ĐN.

#### + An Bắc

**Làng/Xã (cũ).** Sau CMT8-1945, đến 1946 đơn vị hành chính dưới tỉnh gọi là huyện, bỏ cấp tổng, các xã trở thành đơn vị hành chính xã. Huyện HV hợp xã lần thứ nhất sau CMT8-1945, năm 1946 thành lập xã An Bắc. Đầu năm 1946, Huyện HV thành lập 5 xã, trong đó các xã, ấp trên địa bàn Hòa Hải, Bắc Mỹ An (trừ xóm An Thượng thuộc xã Hòa Hải) hợp thành 3 xã. Xã An Bắc là một trong ba xã đó (gồm: xã An Bắc, xã An Đông, xã An Trung), thuộc huyện HV, tỉnh QN.

Nay địa danh đã biến đổi.

### + An Cư

**Chợ.** Thuộc phường An Hải Bắc, Q. ST.

Trước là một chợ độc lập, thành lập năm 1970 thuộc khu dân cư An Cư, gồm đình chợ và 2 dãy nhà dài, mỗi dãy 10 lều chợ. Nay chợ nhập với chợ Phước Mỹ, lấy tên là An Cư và chợ vẫn còn tụ họp.

### + An Cư

**Chợ.** Còn gọi là chợ Bà Kỳ, thuộc phường Phước Mỹ, Q. ST.

Là chợ tạm thành lập những năm 1966-1968, do phường quản lý. Sau năm 1975, nhập với chợ Bà Kỳ thành chợ Phước Mỹ. Nay là chợ Phước Mỹ.

### + An Cư

**Khu dân cư.** Thuộc phường Hòa Cường Bắc, Q. HC.

Khu dân cư được thiết lập sau ngày 05.8.2005 nhân chia tách một số phường Hòa Cường, Khuê Trung, và các xã Hòa Phát, Hòa Thọ, Hòa Xuân, thành lập Q. CL.

### + An Cư

**Khu dân cư.** Thuộc phường An Hải Bắc, Q. ST.

Xưa, các tộc họ Trần, Võ, Phạm,...sinh sống. Trước 1945, dân cư thưa thớt, có chừng 60 nóc nhà. Sau hiệp định Giơ-ne-vơ, dân bắt đầu đông đúc. Mỗi nhà có lập một khu vườn, trong có đất canh tác, ao, chung quanh có tre, bụi gai

dại bao bọc. Mỗi vườn rộng từ 1.000 – 1.500 m<sup>2</sup>. Tháng 10 nhân dân bắt giống, tháng 11 nhổ mống, sau đó trồng khoai, gieo mè.

An Cư có lăng Bà được xây dựng từ lâu đời, lăng có 3 gian, được trùng tu qua nhiều lần. Lăng thờ Bà Thiên-Y-A-Na (chúa Ngọc) và thờ Thành hoàng bốn xứ làng.

Miếu thờ Thành hoàng làng An Cư là nơi trong kháng chiến chống Pháp, cán bộ tập trung hoạt động cách mạng chuẩn bị khởi nghĩa 1945.

### + An Cư 1

**Khu dân cư.** Thuộc phường An Hải, thành lập những năm 1962 – 1964 do san ủi nông cát mà thành. Trước, nhân dân chuyên làm thuê và buôn bán nhỏ.

Nay khu dân cư thuộc phường An Hải Đông, Q. ST, người dân chủ yếu sinh sống bằng buôn bán.

### + An Cư 2

**Khu dân cư.** Thuộc phường An Hải Đông, Q. ST. thành lập những năm 1962 – 1964 do san ủi nông cát mà thành. Trước, nhân dân chuyên làm thuê và buôn bán nhỏ.

Nay Khu được mở rộng, năng lực thực hiện, quy mô 10,2 ha, thực hiện từ năm 2003 – 2005 hoàn thành và đưa vào sử dụng.

### + An Cư 3

**Khu dân cư.** Thuộc phường An Hải Đông, Q. ST

Thành lập những năm 1962 – 1964 do san ủi nồng cát mà thành. Trước, nhân dân chuyên làm thuê và buôn bán nhỏ.

Năng lực 11 ha, thực hiện từ năm 2001 – 2005 hoàn thành và đưa vào sử dụng.

#### + **An Cư 4**

**Khu dân cư.** Thuộc phường Phước Mỹ, Q. ST.

Năng lực thực hiện 41,5 ha, thực hiện từ năm 2004 – 2007 hoàn thành và đưa vào sử dụng.

#### + **An Châu**

**Thôn.** Qua các thời kỳ không rõ, nay là thôn Nam Thành, thuộc xã Hòa Phú, huyện HV.

#### + **An Châu**

**Xóm.** Thời Đồng Khánh, sách ĐKĐĐC chép, thôn An Châu thuộc tổng An Châu Thượng, huyện HV, phủ ĐB, tỉnh QN.

Theo tạp chí Pháp BAVH (1919), thời Khải Định thôn An Châu thuộc tổng An Phước, huyện HV, phủ ĐB.

Năm 1962 xóm An Châu thuộc ấp/thôn Cẩm Toại, xã Hòa Hưng, quận HĐ, tỉnh QN.

Nay địa danh đã biến đổi.

#### + **An Châu**



**Xã. (cũ).** Thời Đồng Khánh, sách ĐKĐĐC chép, xã An Châu thuộc tổng An Châu Thượng, huyện HV, phủ ĐB, tỉnh QN.

Theo tạp chí Pháp BAVH (1919), thời Khải Định xã An Châu thuộc tổng An Phước, huyện HV, phủ ĐB.

Nay địa danh là thôn An Châu, xã Hòa Phú, huyện HV.

### **+ An Dương Vương**

**Đường phố.** Đường dài 1.550m, nền đường bằng bê tông nhựa, rộng 15 mét, vỉa hè rộng 5 mét/bên. Đường có điểm đầu là đường Phạm Hữu Kinh, điểm cuối là đường 7,5m, thuộc khu dân cư Nam cầu Trần Thị Lý, phường Mỹ An, Q. NHS.

Đường mang tên An Dương Vương theo NQ của HĐND. TP. ĐN, khoá VII, kỳ họp thứ 12, tháng 11.2008 về đặt tên một số đường của TP. ĐN.

Vua An Dương Vương, tục danh Thục Phán, thủ lĩnh bộ Âu Việt, đánh thắng vua Hùng Vương thứ 18 (thủ lĩnh bộ Lạc Việt), sáp nhập nước Âu Việt và nước Văn Lang thành nước Âu Lạc, đóng đô tại thành Cổ Loa. Bảy giờ Triệu Đà (quan Uý quận Nam Hải) sang xâm lược Âu Lạc, vua An Dương Vương có vị tướng tài là Cao Lỗ giúp sức, theo truyền thuyết lại có thần Kim Quy giúp đỡ cho chiếc móng rùa chế ra chiếc nỏ thần, mỗi lần bắn 10 mũi tên, Triệu Đà thua trận. Sau, Triệu Đà cho con trai là Trọng Thủy sang lấy công chúa My Châu và ở rể, tìm hiểu quân đội An Dương Vương. Tướng Cao Lỗ nhiều lần can ngăn nhưng

An Dương Vương không nghe. Sau khi tìm hiểu, Trọng Thủy lừa gạt My Châu lấy chiếc nỏ thần đem về nước rồi cùng cha là Triệu Đà mang quân đánh Âu Lạc. An Dương Vương thua, bỏ Cổ Loa, lên ngựa, My Châu ngồi phía sau, chạy về phương nam. Quân Triệu Đà đuổi theo, nào ngờ My Châu rút lông ngỗng trên chiếc áo rải dọc đường làm dấu cho Trọng Thủy đuổi theo như đã giao ước. Đến chân núi Mộ Dạ, giáp biển bỗng thần Kim Quy hiện lên bảo với An Dương Vương rằng kẻ thù đang ngồi sau lưng. Nhà vua vỡ lẽ, rút gươm chém My Châu, rồi nhảy xuống biển tự tử. Ngày nay tại sườn núi Mộ Dạ thuộc huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An còn có đền thờ, gọi là đền Công (hay đền Công).

#### + An Định

**Bến đò.** Trước thuộc xã Hòa Thái, huyện HV, nay là xã Hòa Tiến, huyện HV.

Địa danh nay không còn sử dụng.

#### + An Định

**Núi.** Ngọn núi nhỏ thuộc dãy núi chạy từ làng Trường Định (xã Hòa Liên) đến thôn Tà Lang (xã Hòa Bắc) thuộc huyện HV, TP. ĐN.

An Định là ngọn núi thấp trong hệ thống Bà Nà – Núi Chúa.

#### + An Định

**Xã.** Sau CMT8-1945, UBCM lâm thời huyện HV quyết định thành lập 5 xã cánh tây bắc HV, gồm xã: Liên Minh, Thái Sơn, Bắc Sơn, Hòa Sơn, An Định.

Xã An Định ra đời, gồm các làng: Phò Nam, Nam An/Yên, Nam Định, Hội Yên, Trường Định.

Về ranh giới kéo dài từ đồng Trạm Lớn đến đồng Trạm Nhỏ, diện tích ước chừng 10 hecta.

Này 23-9-1981, theo QĐ số 79-HĐBT nước CHXHCN. VN, chia xã Hòa Liên thành 2 xã Hòa Liên và Hòa Bắc, xã An Định trở thành một thôn của xã Hòa Bắc, huyện HV, QN-ĐN.

Nay địa danh đã biến đổi.

### + An Đông

**Xã (cũ).** Sau CMT8-1945, năm 1946 đơn vị hành chính dưới tỉnh gọi là huyện, bỏ cấp tổng, các xã trở thành đơn vị hành chính xã. Huyện HV hợp xã lần thứ nhất sau CMT8-1945, năm 1946 thành lập 5 xã, trong đó các xã, áp trên địa bàn Hòa Hải, Bắc Mỹ An (trừ xóm An Thượng thuộc xã Hòa Hải) hợp thành 3 xã. Xã An Đông là một trong ba xã (gồm: *xã An Bắc, xã An Đông, xã An Trung*) thuộc huyện HV, tỉnh QN.

Nay địa danh đã biến đổi.

### + An Đồn

**Chợ.** Thuộc phường An Hải Bắc, Q. ST.

Nay chợ vẫn còn tụ họp.

## + An Đồn

**Khu công nghiệp.** Thành lập sau năm 1997, khi TP. ĐN trực thuộc Trung ương. Nay, thuộc phường An Hải Bắc, Q. ST.

Xưa, tại đây các tộc họ Trần, Võ, Phạm,...sinh sống. Trước 1945, dân cư thưa thớt, có chừng vài chục nóc nhà. Sau hiệp định Giơ-ne-vơ, hòa bình lập lại, dân từ phía bắc tập trung xuống sinh sống đông đúc.

An Đồn có lăng thờ cá Ông, lăng thờ Âm linh. Trước đây là một gò đất cao, dưới thời nhà Nguyễn, lính triều đình đặt 2 khẩu súng thần công để bảo vệ các xã phía đông sông Hàn.

Nay, các thiết chế, khí tài quân sự không còn.

## + An Đồn

**Kho.** Trước năm 1975, kho chứa quân trang quân dụng của lính Mỹ-SG, thuộc phường An Hải, Q. ST.

Nay, kho được mở rộng trở thành Khu công nghiệp An Đồn, thuộc phường An Hải Bắc, Q. ST.

## + An Đồn 1

**Đường phố.** Đoạn đường có điểm đầu là đường Hoàng Đức Lương, điểm cuối là đường 7,5m chưa đặt tên. Mặt đường bằng bê tông nhựa, chiều dài 120m, chiều rộng 7,5m; vỉa hè mỗi bên rộng 4,5m, thuộc khu tái định cư công nghiệp An Đồn, Q. ST. Đường mang tên An Đồn 1 theo

NQ của HĐND. TP. ĐN, khóa VII, kỳ họp thứ 17, ngày 1-3/12/2010 về đặt và đổi tên một số đường trên địa bàn TP. ĐN.

An Đồn là tên xóm xưa, nay là khu phố An Đồn, thuộc phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà.

### + An Đồn 2

**Đường phố.** Đoạn đường có điểm đầu là đường Hoàng Đức Lương (đường dự kiến đặt tên đợt này), điểm cuối là đường Lý Thánh Tông. Mặt đường bằng bê tông nhựa, chiều dài 270m, chiều rộng 5,5m; vỉa hè mỗi bên rộng 3m, thuộc khu tái định cư công nghiệp An Đồn, Q. ST. Đường mang tên An Đồn 2 theo NQ của HĐND. TP. ĐN, khóa VII, kỳ họp thứ 17, ngày 1-3/12/2010 về đặt và đổi tên một số đường trên địa bàn TP. ĐN.

An Đồn là tên xóm xưa, nay là khu phố An Đồn, thuộc phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà.

### + An Hải

**Bến phà.** Còn gọi là bến phà Hà Thân/Bà Thân, Q. ST.  
(*Xem Bà Thân. Bến Phà*).

### + An Hải

**Chợ.** Trước chợ tọa lạc tại làng An Hải, huyện HV, phủ ĐB.

Chợ nằm cạnh sông Hàn, là nơi đông họp của người dân 7 xã phía hữu ngạn con sông. Sau, chợ bị cháy. Năm 1827,

Thoại Ngọc Hầu được tin báo, nhờ có ý kiến của ông, chợ được xây dựng lại, tại nền chợ cũ.

Năm 1970, chợ được xây dựng mới cùng với chợ An Cư, gồm đình chợ và 2 dãy nhà dài, mỗi dãy 10 lều chợ.

*(Xem Bà Thân. Chợ).*

### + An Hải

**Chùa Phật giáo.** Là một trong những chùa lâu đời nhất tại Q. ST. Chùa nằm ngay cạnh Ngã Năm An Hải (An Nhơn 1) do ông Hội Đá, người xóm An Mỹ, làng An Hải Tây, làm nghề thâu bốc dỡ hàng các tàu buôn ở cảng ĐN, huy động tiền trong dân và đứng ra xây dựng, theo đó thường gọi chùa ông Hội Đá.

Chùa lúc đầu xây dựng nhỏ, qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa thành chùa An Hải như hiện nay.

### + An Hải

**Đầm.** Thời trước, thuộc xã An Hải, huyện Diên Phước phủ ĐB, sau thuộc huyện HV, tỉnh QN.

Đầm nằm về phía đông của huyện, bên hữu ngạn sông Hàn. Lại có tên là đầm Vịnh Hiu. Nay, đầm không còn, trở thành khu dân cư sầm uất bên bờ đông sông Hàn.

### + An Hải

**Đình.** Xây dựng năm 1827, do Thoại Ngọc Hầu có công đầu trong huy động nhân dân làng An Hải lập nên.

Đến năm Tự Đức thứ XX (1877), ngôi đình được nhân dân trùng tu lại lần thứ nhất. Năm 1992, đình An Hải được xây dựng mới trên cơ sở mô hình kiến trúc cũ.

Nay, đình thuộc phường An Hải Tây, Q. ST.

Xưa kia An Hải là một làng rộng lớn, thành lập từ vùng đất Bà Thân. Vùng đất An Hải do Bà Thân cùng chồng khai phá khoảng nửa sau thế kỷ thứ XV. Về sau hai vợ chồng Bà Thân được nhân dân tặng phong là tiền hiền làng An Hải.

Đình An Hải xây dựng theo kiểu ba gian hai chái, tường xây bằng gạch, mái lợp ngói âm dương, trong có tiền đường, hậu tẩm. Hậu tẩm là nơi thờ thần xây theo kiểu hình vòm cuốn. Chính điện ngôi đình có ba hàng cột bằng gỗ mít, gọt đẽo hình vuông, mỗi hàng tám cột. Tả, hữu đình thờ tiền hiền hậu hiền làng. Phía trên gian trung chánh điện treo một bức hoành phi, ghi năm Tự Đức thứ XVIII (1865) khắc bốn chữ Hán tự “*Thiện tục khả phong*”. Hai bên tả, hữu đình còn có các bức hoành phi, câu đối thể hiện công đức của tiền nhân, tri ân người có công lập nên làng. Trên nóc đình và các đầu đao, bờ góc đều được gắn trang trí các vật linh ghép bằng sành sứ, kỹ thuật, đẹp mắt. Đình có khoảng sân rộng trên 400 m<sup>2</sup>. Phía trước đình là bức bình phong mặt trước đắp nổi con hổ bằng sành sứ và mặt sau cũng với chất liệu sành sứ đắp nổi hình con lân.

Trong lịch sử phát triển làng An Hải, đình là trung tâm làng, là thiết chế văn hóa làng đã hình thành những phong tục tập quán tốt.

Sau thời gian trùng tu quy mô kiên cố, tháng 3.2009, chính quyền TP. ĐN tổ chức khánh thành di tích Đình – Nhà thờ Thoại Ngọc Hầu/làng/phường An Hải.

Đình An Hải thuộc phường An Hải Tây, Q. ST được UBND. TP. ĐN xếp hạng di tích cấp TP theo QĐ số 5878/QĐ-UBND ngày 30.8.2006.

#### + **An Hải**

**Đồn.** Đồn do thực dân Pháp xây dựng sau năm 1946, nằm về phía nam xã An Bắc (cũ).

Đồn nằm trong hệ thống đồn bót của Pháp tại khu Đông huyện HV. Từ hệ thống đồn bót này, thực dân Pháp mở các đợt càn quét, đốt nhà, cướp của và giết hại nhiều người dân vô tội, gây chết chóc cho khu Đông huyện HV và TP. ĐN.

Nay đồn không còn.

#### + **An Hải**

**Kho.** Thiết lập trước 1975 tại khu phố An Hải, quận Ba. Nay thuộc Q. ST.

+ ...v.v...

*(Xem: - Địa danh thành phố Đà Nẵng (quyển 1), Võ Văn Hòe (2011), Nhà xuất bản Đà Nẵng).*

*- Địa danh thành phố Đà Nẵng (quyển 2), Võ Văn Hòe (2015), Nhà xuất bản Thông Tin & Truyền Thông).*